

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2018

V/v: “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Nhân Nghĩa;

2. Bà Mai Thị Nhắc.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa:
Ông Võ Văn Thành – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2018/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1992;

Địa chỉ: số 18C, khu phố 4, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Chị Phạm Thị Thu T và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh H hay xúc phạm chị, vợ chồng không hòa hợp, hay cãi nhau nên vợ chồng ly thân từ năm 2014 đến nay không hàn gắn được.

Vợ chồng chị có một con chung tên Lê Phạm Kim Ng, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2011, hiện đang sống chung với anh H.

Vợ chồng chị không có tài sản chung và cũng không có nợ chung.

Do ly thân đã lâu, vợ chồng chị không còn tình cảm yêu thương nhau nữa nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H, chị không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Chị T đồng ý để anh H trực tiếp nuôi con, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh.

Phát biểu quan điểm về vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam nhận định Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách những người tham gia tố tụng; những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật; bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

Về nội dung giải quyết: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho anh H được quyền trực tiếp nuôi con, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Thu T và nội dung tranh chấp cần phải giải quyết, Tòa án xác định đây là vụ án Hôn nhân và Gia đình về việc: “*Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

Theo xác nhận đề ngày 03 tháng 02 năm 2018 của Công an xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam thì bị đơn Lê Văn H hiện đang đăng ký thường trú và cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam nên căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo trình tự sơ thẩm.

Xét thấy bị đơn Lê Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điểm b Khoản 1 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H là phù hợp.

[2] Về nội dung giải quyết:

Xem xét, giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị Phạm Thị Thu Trang và anh Lê Văn H tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên hôn nhân của chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, chị T và anh H sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên ly thân từ năm 2014 đến nay không hàn gắn được và chị T khởi kiện xin ly hôn, nguyên nhân theo chị T là do anh H hay xúc phạm chị, vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã nhau. Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ cho anh H các Thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện cho chị T và anh H hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh H không chấp hành các Thông báo của Tòa án. Điều đó cho thấy anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Trang, anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Chị T và anh H có một con chung tên Lê Phạm Kim Ng, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2011, hiện cháu Ng đang sống chung với anh H. Theo biên bản lấy ý kiến của cháu Ng ngày 22 tháng 3 năm 2018 thì cháu Ng có nguyện vọng được sống chung với Cha cháu sau khi Cha, Mẹ cháu ly hôn. Đồng thời, tại phiên tòa sơ thẩm, chị T cũng đồng ý để anh H trực tiếp nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cho anh H được quyền trực tiếp nuôi con là phù hợp.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Do anh H không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T và chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đề cập đến.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

[4] Xét thấy quan điểm và đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu T.

Chị Phạm Thị Thu T được ly hôn với anh Lê Văn H. Các đương sự không có yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng.

Về con chung: Anh Lê Văn H được quyền trực tiếp nuôi con tên Lê Phạm Kim Ng, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2011, hiện cháu Ng đang sống chung với anh H. Chị Phạm Thị Thu T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Văn H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có nên không đề cập đến.

Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014722 ngày 26 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án huyện Mỏ Cày Nam là đủ.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H. Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS H. Mỏ Cày Nam;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Chí Nhân